



CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN VINACONEX - VIETTEL

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Phương
Ông Nguyễn Văn Tuấn
Ông Hoàng Anh Xuân
Ông Tôn Lâm Tùng
Ông Lê Văn Bé
Ông Thái Quốc Minh

Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 07/3/2012)
Chủ tịch (thôi giữ chức vụ từ ngày 07/3/2012)
Phó Chủ tịch
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Trọng Đức
Ông Vũ Sỹ Mạnh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính. 

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Trọng Đức
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2012

Số: 277 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 32. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 – Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0045/KTV

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 15 tháng 8 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Duy Cường
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0797/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu số B02/TCTD

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A	TÀI SẢN			
I	Tiền gửi tại NHNN	4	3.171.966.628	5.135.082.410
II	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	5	2.088.089.661.965	4.378.100.201.996
1	Tiền gửi tại các TCTD khác		1.904.133.138.743	3.230.671.201.996
2	Cho vay các TCTD khác		191.996.311.111	1.154.904.000.000
3	Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		(8.039.787.889)	(7.475.000.000)
III	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		174.000.000	-
III	Cho vay khách hàng		671.085.577.113	648.045.945.280
1	Cho vay khách hàng	6	698.052.823.733	658.022.407.208
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	7	(26.967.246.620)	(9.976.461.928)
IV	Chứng khoán đầu tư	8	550.000.000.000	600.000.000.000
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		550.000.000.000	-
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		-	600.000.000.000
V	Góp vốn đầu tư dài hạn	9	1.000.000.000	1.000.000.000
1	Đầu tư dài hạn khác		1.000.000.000	1.000.000.000
VI	Tài sản cố định		23.921.382.770	24.422.140.145
1	Tài sản cố định hữu hình	10	23.872.771.654	24.361.862.365
a	Nguyên giá TSCĐ		27.462.099.665	27.406.729.665
b	Hao mòn TSCĐ		(3.589.328.011)	(3.044.867.300)
2	Tài sản cố định vô hình	11	48.611.116	60.277.780
a	Nguyên giá TSCĐ		70.000.000	70.000.000
b	Hao mòn TSCĐ		(21.388.884)	(9.722.220)
VII	Tài sản Có khác		909.030.547.599	551.530.718.812
1	Các khoản phải thu	12	541.015.356.464	150.802.199.402
2	Các khoản lãi, phí phải thu		67.804.438.293	100.159.083.441
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại	22	-	75.959.087
4	Tài sản Có khác	12	300.210.752.842	300.493.476.882
TỔNG TÀI SẢN CÓ			4.246.473.136.075	6.208.234.088.643

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu số B02/TCTD

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	13	2.612.300.000.000	3.451.278.000.000
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	13	2.312.300.000.000	3.051.278.000.000
2	Vay các tổ chức tín dụng khác	13	300.000.000.000	400.000.000.000
II	Tiền gửi của khách hàng	14	180.001.764.679	605.050.000.000
III	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro		300.000.000.000	95.500.000.000
IV	Các khoản Nợ khác		56.030.440.150	999.235.282.991
1	Các khoản lãi, phí phải trả		33.792.629.530	58.745.389.081
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	15	21.973.027.087	940.219.260.487
3	Dự phòng rủi ro khác	15	264.783.533	270.633.423
	Tổng Nợ phải trả		3.148.332.204.829	5.151.063.282.991
V	Vốn và các quỹ	16	1.098.140.931.246	1.057.170.805.652
1	Vốn của TCTD		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
a	Vốn điều lệ		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2	Quỹ của TCTD		42.987.035.882	20.538.661.161
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		206.968.638	-
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		54.946.926.726	36.632.144.491
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.246.473.136.075	6.208.234.088.643

STT CHỈ TIÊU

30/6/2012

31/12/2011

I	Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	31.316.255.534	36.084.456.300
1	Bảo lãnh khác	31.316.255.534	36.084.456.300
II	Các cam kết đưa ra	5.350.242.675	61.300.739.823
1	Cam kết khác	5.350.242.675	61.300.739.823

Hoàng Trọng Đức
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2012

Vũ Sỹ Mạnh
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN VINACONEX - VIETTELTầng 1, Nhà 18T2, Khu Đô thị Trung Hòa - Nhân Chính
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B03/TCTD

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 (Chưa soát xét)
1	Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	18	243.107.072.592	187.667.276.017
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	19	150.760.399.494	95.533.536.226
I	Thu nhập lãi thuần		92.346.673.098	92.133.739.791
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		2.004.491.012	4.693.242.847
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		165.961.083	170.819.563
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	20	1.838.529.929	4.522.423.284
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		131.466.678	1.240.485.322
IV	(Lỗ), Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư		(2.054.071.233)	-
5	Thu nhập từ hoạt động khác		9.614.485.893	616.935.751
6	Chi phí hoạt động khác		164.249.868	150.804.603
V	Lãi thuần từ hoạt động khác		9.450.236.025	466.131.148
VI	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		39.517.808	12.000.000
VII	Chi phí hoạt động	21	9.615.987.725	7.335.973.547
VIII	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		92.136.364.580	91.038.805.998
IX	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		18.609.957.747	1.129.637.526
X	Tổng lợi nhuận trước thuế		73.526.406.833	89.909.168.472
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	18.503.521.020	22.561.034.118
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	22	75.959.087	-
XI	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		18.579.480.107	22.561.034.118
XII	Lợi nhuận sau thuế		54.946.926.726	67.348.134.354
XIII	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17	549	673

Hoàng Trọng Đức
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2012

Vũ Sỹ Mạnh
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu số B04/TCTD

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 (Chưa soát xét)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	271.446.144.807	106.423.968.786
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(180.888.159.050)	(49.545.269.003)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	1.534.693.580	4.445.000.713
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	(1.922.604.555)	729.416.021
05	Thu nhập khác	7.587.257.032	83.963.882
06	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(9.967.805.770)	(3.061.687.874)
07	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	(25.030.758.443)	(9.227.610.515)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	62.758.767.601	49.847.782.010
	Những thay đổi về tài sản hoạt động		
08	Tăng các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	474.573.721.906	(505.000.000.000)
09	Giảm các khoản về chứng khoán kinh doanh	-	(50.000.000.000)
10	Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các TS tài chính khác	(174.000.000)	-
10	Giảm các khoản cho vay khách hàng	(40.030.416.525)	(3.059.602.472)
11	Giảm khác về tài sản hoạt động	(183.741.995.927)	(301.354.937.125)
	Những thay đổi về công nợ hoạt động		
12	Giảm các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác	(838.978.000.000)	(103.587.500.000)
13	Giảm tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)	(425.048.235.321)	300.110.000.000
14	Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(589.863.228.408)	48.470.729.440
15	Giảm khác về công nợ hoạt động	(222.527.022.021)	128.186.705
16	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(3.976.801.132)	(289.090.259)
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.767.007.209.826)	(564.734.431.701)

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu số B04/TCTD

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 (Chưa soát xét)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định	(55.370.000)	(25.500.000)
02	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	50.000.000.000	(700.000.000)
03	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	39.517.808	12.000.000
II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	49.984.147.808	(713.500.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(99.812.084.000)	-
III	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(99.812.084.000)	-
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(1.816.835.146.018)	(565.447.931.701)
V	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	2.957.119.284.405	2.054.239.426.622
VI	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	1.140.284.138.387	1.488.791.494.921

CHI TIẾT TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2012	30/6/2011
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	3.171.966.628	4.659.657.921
Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác (*)	1.137.112.171.759	1.484.131.837.000
	1.140.284.138.387	1.488.791.494.921

(*) Đây là các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 3 tháng bằng VND.

Hoàng Trọng Đức
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2012

Vũ Sỹ Mạnh
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính